

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG M
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 257/2024/HS-ST
Ngày: 22/10/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu H

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt A
2. Bà Nguyễn Anh Th

Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thanh H – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng M,
Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng M tham gia phiên tòa: Ông
Đặng Văn S- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng M, Thành
phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 249/2024/TLST-HS
ngày 01/10/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2024/QĐXXST-HS
ngày 09 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T – Sinh năm 1984, tại Thái Nguyên; Nơi đăng ký thường trú: tổ
16 phường Hương Sơn, thành phố T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa:
12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con
ông Nguyễn Ngọc V và bà Trần Thị Th; Vợ: Phạm Thị M; có 01 con sinh năm 2010;
Tiền án, tiền sự: không. Về nhân thân: Tại bản án số 92/2008/HSST ngày
19/12/2008, Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xử phạt 09 tháng
tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/6/2009,
đã xóa án tích). Tại bản án số 25/2013/HSST ngày 16/12/2013, Tòa án nhân dân
huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai xử phạt 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
Tại bản án số 130/2013/HSST ngày 31/12/2013, Tòa án nhân thành phố Thái
Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
Tại bản án số 07/2014/HSST ngày 20/01/2014, Tòa án nhân dân huyện Phú Bình,

tỉnh Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" . Tại bản án số 25/HSST ngày 28/3/2014, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xử phạt 24 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt của các bản án số 25/HSST/2013 ngày 16/12/2013, bản án số 130/2013/HSST ngày 31/12/2013, bản án số 07/2014/HSST ngày 20/01/2014 buộc chấp hành hình phạt chung là 07 năm tù (chấp hành xong hình phạt ngày 17/02/2020, đã xóa án tích). Tại bản án số 290/2023/HSST ngày 25/9/2023, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 21 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". (Theo Danh chỉ bản số 217 do công an quận Hoàng Mai lập ngày 03/5/2024); Bị cáo hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Thanh Lâm- Bộ công an từ ngày 02/6/2023 theo bản án số 290/2023/HSST ngày 25/9/2023, Quyết định thi hành án phạt tù số 375/2023/QĐ-CA ngày 30/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Trần Thu T, sinh năm 1991 *(có đơn xét xử vắng mặt)*

Trú tại: Phòng 3408- chung cư HH1A Linh Đàm, phường H, quận Hoàng M, Thành phố H

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/Anh Vũ Trung K, sinh năm 1978 *(vắng mặt)*

Trú tại: tổ 5, phường Hương Sơn, thành phố T, tỉnh T.

2/ Chị Lê Thị Lê Th, sinh năm 1978 *(có mặt)*

Trú tại: số 45B đường Láng, tổ 1B phường Ngã Tư Sở, quận Đ, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:

1/ Ông Bùi Lê N, luật sư Công ty Luật TNHH KHD *(có mặt)*

2/ Ông Khuất Tuấn D, luật sư Công ty Luật TNHH KHD *(có mặt)*

Cùng địa chỉ: số 31 Lô 2 Khu đô thị Nam La Khê, phường L, quận H, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T là đối tượng không có việc làm ổn định. Khoảng cuối tháng 9 năm 2022, Tuấn được anh Vũ Trung K cho thông tin số điện thoại của em họ anh K là chị Trần Thu T nên Tuấn nhắn tin với chị T làm quen. T nói với chị T tên là Việt P làm việc tại Bộ Quốc Phòng. Khoảng 9 giờ 45 phút ngày 02/10/2022, T và chị T hẹn gặp nhau tại quán cà phê Laika (số 17BT1, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường H, quận Hoàng M, thành phố H). Tại đây, sau khi hai bên gặp gỡ, trò chuyện đến khoảng 10 giờ 40 phút cùng ngày thì T nói nhờ chị T chuyển khoản số tiền 15.000.000 đồng vào số tài khoản 0900131778008 của T mở tại ngân hàng MB Bank để T giải quyết công việc, sau đó T xuống xe ô tô lấy tiền mặt trả lại cho chị T. Chị T tin tưởng đồng ý chuyển tiền hộ T. Sau khi nhận được tiền của chị T chuyển khoản, T nói xuống xe lấy tiền trả cho chị T nhưng đã bỏ đi và không quay lại. Sau khi chiếm đoạt được số tiền 15.000.000 đồng của chị T, T vào cây ATM tại đường Nguyễn Hữu Thọ, phường H, quận Hoàng M, thành phố H rút số tiền mặt là 3.000.000 đồng. Do không rút được số tiền 12.000.000 đồng nên T thuê xe ôm (không xác minh được nhân thân) đi tìm địa điểm rút tiền mặt. Xe ôm chở T đến cửa hàng điện dân dụng tại địa chỉ 45B đường Láng, phường Ngã Tư Sở, quận Đ, thành phố H của chị Lê Thị Lệ Th. Tuấn nói với chị Lệ Th là cần tiền mặt giải quyết công việc nhưng không rút được tiền mặt tại Ngân hàng và nhờ chị Th đưa cho T 12.000.000 đồng tiền mặt, T chuyển khoản trả ngay. Chị Lệ Th đồng ý. T sử dụng số tài khoản 0900131778008- MB Bank của T chuyển trả cho chị Lệ Th số tiền 12.000.000 đồng vào số tài khoản 19031792662017 của chị Lệ Th mở tại Ngân hàng Techcombank CN Ngã Tư Sở và đưa 60.000 đồng cảm ơn chị Lệ Th. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt 15.000.000 đồng của chị Trần Thu T, T đã ăn tiêu hết.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thu T yêu cầu T bồi thường số tiền là 15.000.000 đồng. T chưa bồi thường cho chị Trần Thu T

Tại bản cáo trạng số 242/CT-VKSHM ngày 12/9/2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng M truy tố Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 - Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

*Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai đã truy tố, ăn năn, hối cải đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bị cáo là người có nhân thân xấu, số tiền bị cáo chiếm đoạt chưa bồi thường cho bị hại. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bồi thường của bị hại, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền là 15.000.000 đồng và áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng M giữ nguyên quan điểm truy tố Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 56-Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo và đề nghị:

- Xử phạt Nguyễn Văn T từ 22 đến 26 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 21 tháng tù tại bản án số 290/2023/HSST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 43 đến 47 tháng tù. Thời hạn tù tính ngày bắt thi hành án. Thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.

-Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

-Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho chị Trần Thu T số tiền là 15.000.000 đồng.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Hồi 10 giờ 40 phút ngày 02/10/2022, tại quán cà phê Laika cơ sở Linh Đàm, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường H, quận Hoàng M, thành phố H, Nguyễn Văn T bằng thủ đoạn gian dối nhờ chị Trần Thu T chuyển khoản số

tiền 15.000.000 đồng vào số tài khoản 0900131778008 của T mở tại ngân hàng MB Bank, sau đó T lấy tiền mặt trả cho chị T. Sau khi nhận được số tiền do chị T chuyển khoản, T nói dối xuống xe ô tô lấy tiền mặt nhưng sau đó bỏ đi, không trả tiền cho chị T. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định Nguyễn Văn T đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 174- Bộ luật Hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng M truy tố bị cáo ra xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên là có căn cứ.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51- Bộ luật hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu, 06 lần bị kết án về các hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thể hiện bị cáo không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân nên áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo. Hiện bị cáo đang chấp hành hình phạt của bản án đã xét xử trước khi có bản án này, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56- Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của bản án số 290/2023/HSST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T với bản án này buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 15.000.000 đồng bị cáo chiếm đoạt của chị Trần Thu T chưa bồi thường cho chị T. Chị T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền trên. Xét yêu cầu bồi thường của bị hại là chính đáng và có căn cứ theo quy định tại các Điều 584, 585, 586, 589- Bộ luật dân sự năm 2015, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận buộc Nguyễn Văn T phải bồi thường cho chị Trần Thu T số tiền là 15.000.000 đồng.

[6] Đối với chị Lê Thị Lê Th là người đòi tiền mặt hộ T, chị Th không quen biết T, không biết số tiền T nhờ chuyển là tiền do T phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

Đối với anh Vũ Trung K (anh họ của chị Trần Thu T) là người giới thiệu cho T là quen với chị Trần Thu T. Anh K không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của T nên không có cơ sở đề cập xử lý.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo đang phải chấp hành án, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 - Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 và điểm a, c khoản 1 Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 333- Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56- Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Về tội danh: Tuyên bố Nguyễn Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt Nguyễn Văn T 22 (hai mươi hai) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 21 (hai mươi) tháng tù tại bản án số 290/2023/HSST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 43 (bốn mươi ba) tháng tù. Thời hạn tù tính ngày 02/6/2023 (theo bản án số 290/2023/HSST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T và thông báo sửa chữa, bổ sung bản án ngày 06/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T). Thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 589 - Bộ luật dân sự năm 2015:

Chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại, buộc Nguyễn Văn T phải bồi thường cho chị Trần Thu T số tiền là 15.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 - Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 và điểm a, c khoản 1 Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333- Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

6. Về việc thi hành án: Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, những người tham gia tố tụng;
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;
- Cơ quan Thi hành án hình sự
quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận
Hoàng Mai, TP Hà Nội;
- Lưu HSVA, VP

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu H

